

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 18/9/2022**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Trần Thị Vân Anh	Nữ	26/4/2000	Nghệ An	7.0	7.0	1302/QĐ349/2022	TH004101	
2	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	16/4/1998	Nghệ An	7	9.5	1303/QĐ349/2022	TH004102	
3	Phạm Quốc Bảo	Nam	10/01/2000	Nghệ An	6.3	7.0	1304/QĐ349/2022	TH004103	
4	Trần Hà Giang	Nữ	15/10/1990	Nghệ An	6.7	6.5	1305/QĐ349/2022	TH004104	
5	Lê Thị Việt Hà	Nữ	04/3/1982	Nghệ An	5.7	6.0	1306/QĐ349/2022	TH004105	
6	Trần Đức Hạnh	Nam	05/5/1997	Nghệ An	7.3	7.0	1307/QĐ349/2022	TH004106	
7	Trịnh Thị Hiền	Nữ	08/8/1995	Nghệ An	6.3	7.0	1308/QĐ349/2022	TH004107	
8	Trần Quang Hiệu	Nam	12/10/1986	Nghệ An	6.3	6.0	1309/QĐ349/2022	TH004108	
9	Đinh Thảo Hương	Nữ	03/9/2000	Cao Bằng	6.7	6.0	1310/QĐ349/2022	TH004109	
10	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	25/02/1996	Nghệ An	6.7	7.0	1311/QĐ349/2022	TH004110	
11	Ngô Thị Liên	Nữ	18/5/1985	Nghệ An	6.7	6.5	1312/QĐ349/2022	TH004111	
12	Mai Thị Ngọc Long	Nữ	12/02/1998	Nghệ An	7.3	7.5	1313/QĐ349/2022	TH004112	
13	Phan Đăng Minh	Nam	25/3/2000	Nghệ An	6.3	6.5	1314/QĐ349/2022	TH004113	
14	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	20/02/1999	Nghệ An	6.0	7.0	1315/QĐ349/2022	TH004114	
15	Cầm Thị Lan Phương	Nữ	17/12/1999	Nghệ An	7.0	7.0	1316/QĐ349/2022	TH004115	
16	Lê Phúc Thắng	Nam	10/8/1998	Nghệ An	7.3	9.5	1317/QĐ349/2022	TH004116	
17	Vì Thị Thương	Nữ	01/8/1997	Nghệ An	5.7	6.0	1318/QĐ349/2022	TH004117	
18	Lô Thị Mai Thương	Nữ	18/5/1995	Nghệ An	5.0	6.0	1319/QĐ349/2022	TH004118	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
19	Lữ Thị Tiếp	Nữ	18/9/2000	Nghệ An	6.7	6.5	1320/QĐ349/2022	TH004119	
20	Lang Thị Vân	Nữ	14/4/1999	Nghệ An	6.3	6.5	1321/QĐ349/2022	TH004120	
21	Xông Bá Xà	Nam	23/7/1998	Nghệ An	5.7	5.5	1322/QĐ349/2022	TH004121	
22	Trần Thị Yến	Nữ	10/10/1986	Nghệ An	6.3	6.0	1323/QĐ349/2022	TH004122	

